

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v: “Tranh chấp  
Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hùng Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký  
Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp  
tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST-DS ngày 06/10/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS ngày 01/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-DS, ngày 17/11/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Lê Thị D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Phùng Thị Đ, sinh năm 1982 (Theo giấy ủy quyền ngày 24/8/2020), có mặt.

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Hà Thị H, sinh năm 1965 (Theo giấy ủy quyền ngày 25/11/2020), có mặt.

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hà Thị P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Hà Thị H, sinh năm 1965 (Theo giấy ủy quyền ngày 06/10/2020), có mặt.

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ban Quản lý công trình công cộng huyện Tam Nông.

Địa diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H. Chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý công trình công cộng huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thái A, sinh năm 1980. Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý công trình công cộng huyện T, (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 24/9/2021 và ngày 14/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị D, bà Phùng Thị Đ trình bày:*

Do chỗ quan biết nên vào ngày 19/02/2020 (dương lịch) bà D có cho bà D vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và bà D có thể chấp cho bà D 02 điểm kinh doanh bán hoa số 70, 73 tại chợ thực phẩm huyện T và hẹn trong vòng 4 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để lấy lại giấy thế chấp 02 điểm kinh doanh nói trên nhưng đến hẹn bà D không trả tiền và cũng không giao 02 điểm kinh doanh nói trên.

Đến ngày 20/8/2020 bà D làm giấy tay thỏa thuận giao 02 điểm kinh doanh số: 70, 73 cho bà P nên bà D có đến Ban quản lý công trình công cộng huyện T trình báo.

Giao dịch giữa bà D và bà D hoàn toàn tự nguyện, bằng việc là sự thỏa thuận với nhau, sau đó bà D mới thỏa thuận giao lại cho bà P là không phù hợp, trong hợp đồng không bắt buộc người thuê lại sạp (người thứ 3) phải đến Ban quản lý công trình công trình công trình công cộng làm thủ tục.

Tại phiên tòa, bà Đ đại diện theo ủy quyền bà D rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải giao lại quyền được sử dụng hai điểm kinh doanh số 70, 73 cho bà D theo thỏa thuận.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả số tiền vay còn thiếu là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà D. Không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

*- Tại tờ tường trình ngày 06/11/2020, tờ tường trình ngày 22/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Thị Thùy D, bà Hà Thị H trình bày:*

Thứ nhất, bà D khẳng định rằng không có làm ăn vay vốn gì với bà D và hợp đồng vay mà bà D cung cấp chứng cứ trước Tòa án là hoàn toàn giả tạo bà D tự viết và ký kể cả về nội dung cũng như chữ ký nhận nợ.

Thứ hai, chợ là của dân sinh, Ban quản lý công trình công cộng là cơ quan được nhà nước (Ủy ban nhân dân huyện) giao nhiệm vụ quản lý chợ và kinh doanh các quầy hàng cho dân đăng ký kinh doanh mua bán gắn liền với nền chợ của nhà nước (cụ thể là bà D đang kinh doanh tại quầy số 70, 73). Không có trường hợp sang bán theo hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng.

Thứ ba, nếu như hộ kinh doanh không tiếp tục kinh doanh thì có quyền giao lại điểm kinh doanh cho người khác có nhu cầu kinh doanh, ký thỏa thuận trước mặt lãnh đạo Ban quản lý công trình công cộng. Bà D đã ký giao lại cho bà P vào ngày 20/8/2020 tại Ban quản lý công trình công cộng đã thực hiện từ trước đến nay. Hơn nữa, sự kiện này xảy ra được công nhận của Ban quản lý công trình công cộng huyện T trước khi bà D gửi đơn đến Tòa án.

Thứ tư, đối với kết luận giám định số: 788/KL-KTHS ngày 23/8/2021 giám định chữ ký theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/02/2020 (dương lịch), bà H đại diện theo ủy quyền của bà D không yêu cầu tiếp tục giám định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Tại đơn không yêu cầu khởi kiện ngày 26/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P, bà Hà Thị H trình bày:*

Ngày 20/8/2020 bà D đã ký giấy thỏa thuận giao hai điểm kinh doanh tại quầy số 70, 73 cho bà P toàn quyền sử dụng diện tích nền nói trên và bà P đang

trực tiếp quản lý, sử dụng đến ngày nay. Nay không thống nhất theo yêu cầu của bà Lê Thị D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 24/9/2021, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý công trình công trình công cộng huyện Tam Nông, ông Nguyễn Thái A trình bày:*

Ban quản lý công trình công trình công cộng có ký hợp đồng kinh tế số: 01/HĐKT-CTCNMC ngày 02/01/2020 về việc cho thuê điểm kinh doanh tại chợ thực phẩm T với bà D thuê điểm kinh doanh tại quầy số 70, 73), thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020. Đến ngày 20/8/2020 bà D đã ký giấy thỏa thuận giao điểm kinh doanh tại quầy số 70, 73 cho bà P toàn quyền sử dụng diện tích nền nói trên. Nay Ban quản lý công trình công cộng huyện T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu buộc bà D giao nền của bà D.
2. Chấp nhận yêu cầu bà D trả lại số tiền gốc 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) của bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D địa chỉ khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà D. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà D địa chỉ khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý công trình công trình công cộng, ông Nguyễn Thái A có đơn xin vắng mặt ngày 24/9/2021, căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà D yêu cầu bà D trả số tiền vay gốc còn thiếu là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) nên xác định quan hệ pháp luật là

“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy bà D yêu cầu bà D trả số tiền vay còn thiếu 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Vì bà D cho bà D vay tiền có làm giấy tờ, cụ thể là “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 19/02/2020 (dương lịch). Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H đại diện theo ủy quyền bà D cho rằng bà D không có làm ăn vay vốn gì với bà D và “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 19/02/2020 (dương lịch), mà bà D cung cấp chứng cứ trước Tòa án là hoàn toàn giả tạo bà D tự viết và ký. Nhưng theo kết luận giám định số: 788/KL-KTHS ngày 23/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: *“Chữ ký mang tên Vũ Thị Thùy D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Vũ Thị Thùy D trên các tài liệu mẫu từ M1 đến M7 do cùng một người ký ra”* nên chấp nhận yêu cầu của bà D đối với bà D về việc yêu cầu trả số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

Theo công văn số: 105/BQLCTCC, của Ban quản lý công trình công cộng thì bà D không được thế chấp hai điểm kinh doanh số 70,73, tổng diện tích 8m<sup>2</sup> cho người khác khi chưa thực hiện thủ tục sang nhượng cho người khác. Việc bà D thỏa thuận giao hai điểm kinh doanh cho bà P chưa được sự đồng ý của Ban quản lý công trình công cộng vì Hợp đồng kinh tế số: 01/HĐKT-CTP.TCMMC ngày 02/01/2020 còn hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020. Tại phiên tòa, bà Đ đại diện theo ủy quyền của bà D và bà H đại diện theo ủy quyền của bà D, bà P thống nhất không có ý kiến hay tranh chấp gì đến hai điểm kinh doanh số 70, 73 nói trên, thống nhất đề Ban quản lý công trình công cộng xử lý theo quy định của pháp luật và bà Đ rút lại không yêu cầu bà D giao hai điểm kinh doanh số 70,73, tổng diện tích 8m<sup>2</sup> nên đình chỉ là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D đối với bà D, buộc bà D trả cho bà D số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Đối với chi phí giám định số tiền là 15.300.000đ, bà D đã nộp chi phí giám định. Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên buộc bà D phải trả lại cho bà D là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D đối với bà D.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà D được chấp nhận là. Cụ thể số tiền: 140.000.000đ x 5% = 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

- Bà D không phải nộp tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 186, 188, 189, 190, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị D đối với bà Vũ Thị Thùy D.

Buộc bà Vũ Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị D số tiền vay gốc còn thiếu là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị D đối với bà Vũ Thị Thùy D về việc yêu cầu giao hai điểm kinh doanh số 70,73, tổng diện tích 8m<sup>2</sup>.

3. Về chi phí tố tụng khác: Áp dụng khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc bà Vũ Thị Thùy D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị D chi phí giám định số tiền là 15.300.000đ (Mười lăm triệu, ba trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị Thùy D phải nộp 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019/0010468 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Báo cho đương sự có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Báo cho các

đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Hùng Cường**